PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 5

Luyện tập chung. Ôn tập số thập phân · sách Kết nối tri thức

Tuần 15

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Điền dấu >, <, =

0,475 ☐ 0,465 66,49 ☐ 66,48 0,802 ☐ 0,8019 1,6819 ☐ 1,682

9,624 ☐ 9,6240 26,110 ☐ 26,11 34,05 ☐ 34,049 1,157 ☐ 1,147

Bài 2: Viết số đo dưới dạng số thập phân

25,8 m = ☐ dm 487 mm = ☐ m 2 km 171 m = ☐ km

9 tấn 378 kg = ☐ tấn 23 tạ 93 kg = ☐ tạ 3 yến 2 kg = ☐ yến

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số gồm 4 chục, 5 đơn vị, 8 phần trăm, 6 phần nghìn là:

(A) 45,0086 (B) 45,086 (C) 45,86 (D) 4,586

2. Làm tròn số 7,849 đến hàng phần trăm được:

(A) 7,85 (B) 7,9 (C) 7,84 (D) 7,8

Bài 4: Giải bài toán

1. Một tấm kính hình tam giác có độ dài đáy 1,2 m, chiều cao 0,8 m. Tính diện tích tấm kính đó.

2. Bạn An nặng 32,5 kg, bạn Bình nặng 31,75 kg, bạn Cường nặng 32,15 kg. Hãy xếp tên ba bạn theo cân nặng từ nhẹ đến nặng.

Ôn thi app
Ôn thi · nhiều bài tập · miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 5

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 15

Bài 1: Điền dấu >, <, =

0,475 > 0,465 66,49 > 66,48 0,802 > 0,8019 1,6819 < 1,682 9,624 = 9,6240

26,110 = 26,11 34,05 > 34,049 1,157 > 1,147

Bài 2: Viết số đo dưới dạng số thập phân

25,8 m = **258** dm 487 mm = **0,487** m 2 km 171 m = **2,171** km 9 tấn 378 kg = **9,378** tấn

23 tạ 93 kg = **23,93** tạ 3 yến 2 kg = **3,2** yến

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **B** (45,086) 2. **A** (7,85)

Bài 4: Giải bài toán

1. Diện tích tấm kính là: 1,2 × 0,8 : 2 = 0,48 (m²). Đáp số: 0,48 m².

2. So sánh: 31,75 < 32,15 < 32,5. Thứ tự từ nhẹ đến nặng: Bình, Cường, An. Đáp số: Bình; Cường; An.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án